

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2018-2019
BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA 2018**

(Đính kèm thông báo số: 136 /TB- CNTĐ-SV ngày 01 tháng 11 năm 2019)

STT	Mã SV	Họ & Tên		Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
1	18211OT3967	Phạm Phan Quang	Trường	CD18OT9	9.04	Xuất sắc	76	Khá	17	17		GDQP và An ninh 1B	CKOT
2	18211TH0340	Phạm Ngọc Thanh	Ngân	CD18TH1	8.97	Giỏi	76	Khá	17	17		GDQP	NH
3	18211DD5306	Nguyễn Tiến	Dũng	CD18DD5	8.96	Giỏi	84	Tốt	19	19		GDQP	DDT
4	18211DC5216	Bùi	Tươi	CD18DC4	8.69	Giỏi	75	Khá	18	18		GDQP	DDT
5	18211DD5252	Đặng Huy	Hoàng	CD18DD4	8.62	Giỏi	81	Tốt	19	19		GDQP	DDT
6	18211DD4161	Nguyễn Lê Kim	Khánh	CD18DD1	8.47	Giỏi	100	Xuất sắc	22	22		Anh văn 2	DDT
7	18211TH3637	Nguyễn Hoàng Phong	Thái	CD18TH4	8.45	Giỏi	84	Tốt	17	17		Viết 2	NH
8	18211TA0115	Đinh Thị Thu	Hằng	CD18TA1	8.44	Giỏi	89	Tốt	20	20		Listening 2	TA
9	18211TH1279	Nguyễn Thị Bích	Truyền	CD18TH2	8.41	Giỏi	89	Tốt	20	20		GDQP	NH
10	18211CD2747	Nguyễn Thanh	Khải	CD18CD2	8.41	Giỏi	72	Khá	19	19		Anh văn 1B	CNTD
11	18211KT5383	Nguyễn Thị Thu	Lài	CD18KT5	8.39	Giỏi	80	Tốt	17	17		GDQP	TCKT
12	18211TA4172	Phạm Thị Ngọc	Giàu	CD18TA3	8.35	Giỏi	83	Tốt	23	23		Listening 2	TA
13	18211TH3558	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	CD18TH4	8.33	Giỏi	89	Tốt	19	19		Viết 2	NH
14	18211DD4572	Trần Doãn Minh	Hiền	CD18DD2	8.29	Giỏi	98	Xuất sắc	19	19		Anh văn 2	DDT
15	18211TH2908	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	CD18TH4	8.29	Giỏi	92	Xuất sắc	20	20		Viết 2	NH
16	18211KT0297	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	CD18KT1	8.29	Giỏi	76	Khá	20	20	10/04/2019		TCKT
17	18211OT3927	Nguyễn Văn	Nhanh	CD18OT9	8.26	Giỏi	71	Khá	19	19		GDQP	CKOT
18	18211NH3781	Hàng Trúc	Mai	CD18NH1	8.25	Giỏi	82	Tốt	21	21	06/05/2019		NVDL
19	18211KD0258	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	CD18KD1	8.24	Giỏi	100	Xuất sắc	17	17		Anh văn 2	QTKD

STT	Mã SV	Họ & Tên		Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
21	18211OT0060	Đào Xuân	Thịnh	CD18OT1	8.21	Giỏi	95	Xuất sắc	23	23	24/04/2019	Pháp luật	CKOT
22	18211OT0005	Nguyễn Trung	Trí	CD18OT1	8.21	Giỏi	87	Tốt	13	13			CKOT
23	18211TM4745	Phùng Xuân	Thiện	CD18TM2	8.21	Giỏi	81	Tốt	21	21		Anh văn 2	CNTT
24	18211CK0525	Nguyễn Trung	Nhân	CD18CK1	8.19	Giỏi	76	Khá	21	21		GDQP	CKCTM
25	18211TA3542	Tô Ngọc Bảo	Nhi	CD18TA2	8.16	Giỏi	97	Xuất sắc	20	20		Listening 2	TA
26	18211DK3474	Nguyễn Ngọc	Chung	CD18DK1	8.12	Giỏi	94	Xuất sắc	22	22	09/04/2019		CNTD
27	18211TH0469	Bùi Ngọc Khánh	Đoan	CD18TH1	8.07	Giỏi	85	Tốt	20	20		Viết 2	NH
28	18211TA0243	Mai Duy	Khánh	CD18TA1	8.06	Giỏi	73	Khá	20	18		Listening 2	TA
29	18211DD0790	Hoàng Phước	Quý	CD18DD1	8.04	Giỏi	81	Tốt	21	21		Anh văn 2	DDT
30	18211TH1508	Đoàn Mạnh	Tiến	CD18TH2	8.02	Giỏi	88	Tốt	20	20	01/04/2019	Giáo dục quốc phòng và An ninh	NH
31	18211DD4731	Hồ Trương Thanh	Tùng	CD18DD1	7.99	Khá	71	Khá	21	21		Anh văn 2	DDT
32	18211QT1714	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	CD18QT3	7.98	Khá	99	Xuất sắc	19	19		Anh văn 2	QTKD
33	18211KD4111	Võ Thị	Linh	CD18KD1	7.98	Khá	82	Tốt	20	18		Anh văn chuyên ngành	QTKD
34	18211NH0123	Vũ Hoàng Kim	Khánh	CD18NH1	7.98	Khá	78	Khá	13	13	01/04/2019		NVDL
35	18211LG4026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	CD18LG1	7.97	Khá	82	Tốt	19	19		Anh văn 2	QTKD
36	18211DK0498	Bùi Duy	Vương	CD18DK1	7.96	Khá	83	Tốt	21	21		Chính trị 1	CNTD
37	18211CK2314	Trần Lý Thanh	Thuận	CD18CK7	7.94	Khá	100	Xuất sắc	24	24		Chính trị 1	CKCTM
38	18211DD4420	Trần Huỳnh Thanh	Tú	CD18DD2	7.93	Khá	94	Xuất sắc	17	17		Anh văn 2	DDT
39	18211TH4022	Cao Thị Yên	Nhi	CD18TH4	7.92	Khá	79	Khá	17	17		Viết 2	NH
40	18211CK4295	Đặng Trung	Kiên	CD18CK4	7.92	Khá	70	Khá	21	21		Công nghệ chế tạo máy	CKCTM
41	18211DD3203	Đáy Minh	Trung	CD18DD5	7.92	Khá	70	Khá	19	19		GDQP	DDT
42	18211CK3895	Nguyễn Khắc	Mỹ	CD18CK2	7.87	Khá	88	Tốt	21	21		18211CK3895	CKCTM
43	18211DN5209	Lâm Nhật	Linh	CD18DN1	7.87	Khá	74	Khá	17	17		GDQP	DDT
44	18211KT4932	Trần Thị Thảo	Vy	CD18KT5	7.86	Khá	79	Khá	18	18	15/05/2019	Anh văn 2	TCKT
45	18211TC5434	Phạm Thị Phương	Thảo	CD18TC1	7.86	Khá	78	Khá	19	19		Thị trường tài chính	TCKT
46	18211DK4030	Hoàng Anh	Tài	CD18DK2	7.84	Khá	80	Tốt	20	20	06/05/2019		CNTD
47	18211TA3157	Hoàng Thị Kim	Thoa	CD18TA7	7.84	Khá	75	Khá	20	20		Listening 2	TA
48	18211LH2753	Nguyễn Thế	Giang	CD18LH2	7.81	Khá	99	Xuất sắc	21	21		Anh văn 2	NVDL
49	18211DK0066	Huỳnh Ngọc	Thuận	CD18DK1	7.8	Khá	73	Khá	25	25		Lập trình máy tính	CNTD

STT	Mã SV	Họ & Tên		Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
50	18211TH3577	Lê Thị Kim	Huệ	CD18TH4	7.79	Khá	89	Tốt	20	20		Anh văn 2	NH
51	18211TH2542	Đỗ Phùng Nhã	Uyên	CD18TH3	7.79	Khá	83	Tốt	22	22		Ngữ pháp 2	NH
52	18211TH3886	Cần Thùy	Linh	CD18TH1	7.77	Khá	84	Tốt	20	20		Đọc 2	NH
53	18211OT0043	Trần Văn	Hiệp	CD18OT1	7.76	Khá	73	Khá	19	19		GDQP	CKOT
54	18211KT0251	Phan Thị	Sính	CD18KT1	7.74	Khá	81	Tốt	18	18		Anh văn 2	TCKT
55	18211DC0327	Hồ Phi	Lương	CD18DC1	7.74	Khá	71	Khá	23	23		Anh văn 2	DDT
56	18211QT3706	Hà Quang	Linh	CD18QT2	7.71	Khá	99	Xuất sắc	19	19		Anh văn 2	QTKD
57	18211QT5325	Ngô Thị Thúy	Quỳnh	CD18QT6	7.71	Khá	95	Xuất sắc	21	21		Anh văn 2	QTKD
58	18211KT0204	Phạm Thị	Quyên	CD18KT1	7.71	Khá	79	Khá	18	18		Anh văn 2	TCKT
59	18211TA4618	Trần Thị Minh	Ngọc	CD18TA5	7.71	Khá	70	Khá	20	20		Listening 2	TA
60	18211TH0111	Trịnh Lê	Hiếu	CD18TH3	7.68	Khá	98	Xuất sắc	22	22		Anh văn 2	NH
61	18211QT3687	Đoàn Khã	Hân	CD18QT5	7.68	Khá	89	Tốt	20	15		Lý thuyết thống kê	QTKD
62	18211TM3951	Nguyễn Tấn	Đạt	CD18TM1	7.65	Khá	87	Tốt	18	18	10/05/2019	Cơ sở dữ liệu	CNTT
63	18211KT5323	Nguyễn Quý	Anh	CD18KT5	7.64	Khá	84	Tốt	20	20		GDQP	TCKT
64	18211TA4999	Vương Đăng	Khoa	CD18TA6	7.63	Khá	88	Tốt	17	17		Grammar 2	TA
65	18211TA0296	Phan Mỹ	An	CD18TA1	7.61	Khá	99	Xuất sắc	20	20		Listening 2	TA
66	18211TH2969	Nguyễn Thị Minh	Thuận	CD18TH3	7.61	Khá	85	Tốt	19	19		Ngữ pháp 2	NH
67	18211TA0367	Nguyễn Lê Phương	Anh	CD18TA2	7.61	Khá	85	Tốt	18	18		Listening 2	TA
68	18211TH0770	Nguyễn Kim Trà	My	CD18TH2	7.61	Khá	83	Tốt	20	20		Anh văn 2	NH
69	18211QT2178	Nguyễn Lê Mỹ	Duyên	CD18QT6	7.6	Khá	75	Khá	19	19	02/05/2019		QTKD
70	18211OT0576	Nguyễn Văn	Quân	CD18OT2	7.59	Khá	77	Khá	15	15		Gầm ô tô 1	CKOT
71	18211QT2731	Đồng Thị Thu	Thắm	CD18QT5	7.58	Khá	100	Xuất sắc	16	16		Anh văn 2	QTKD
72	18211NH2175	Đào Thị Hồng	Thắm	CD18NH2	7.58	Khá	83	Tốt	21	21		Anh văn chuyên ngành nhà hà	NVDL
73	18211TH3826	Nguyễn Thị Minh Tha	Diệu	CD18TH3	7.58	Khá	74	Khá	20	20		GDQP	NH
74	18211TH1116	Bùi Thị	Hoài	CD18TH2	7.58	Khá	70	Khá	20	20	01/04/2019	Anh văn 2	NH
75	18211NH1919	Lương Thị Ngọc	Ánh	CD18NH2	7.57	Khá	86	Tốt	21	21		Tin học	NVDL
76	18211TT0510	Nguyễn Vinh	Hiền	CD18TT1	7.55	Khá	99	Xuất sắc	25	25		Kỹ thuật lập trình 2	CNTT
77	18211DD1233	Điền Ngọc	Lâm	CD18DD2	7.54	Khá	72	Khá	19	19		Anh văn 2	DDT
78	18211CK3551	Đường Kim	Trọng	CD18CK6	7.52	Khá	76	Khá	21	21		Công nghệ chế tạo máy	CKCTM

STT	Mã SV	Họ & Tên		Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
79	18211DK1729	Đỗ Thành	Luân	CD18DK1	7.52	Khá	72	Khá	18	18		Lập trình máy tính	CNTD
80	18211KT4998	Văn Trần Cát	Như	CD18KT5	7.51	Khá	73	Khá	17	17		Kế toán tài chính 1	TCKT
81	18211TH1932	Phan Nguyễn Tuấn	Vĩ	CD18TH3	7.5	Khá	89	Tốt	22	22		Anh văn 2	NH
82	18211KS0318	Trần Thị Ngọc	Hiền	CD18KS1	7.5	Khá	79	Khá	22	22		Anh văn 2	NVDL
83	18211TT5073	Hà Phi	Hùng	CD18TT8	7.49	Khá	80	Tốt	22	22		Kỹ thuật lập trình 2	CNTT
84	18211KS0732	Hồ Thị Phương	Nhi	CD18KS1	7.49	Khá	73	Khá	20	20		Anh văn 2	NVDL
85	18211TM3444	Đinh Thị Mai	Uyên	CD18TM1	7.48	Khá	72	Khá	20	20		GDQP	CNTT
86	18211TH1566	Lê Thị	Đài	CD18TH2	7.47	Khá	92	Xuất sắc	20	20		Anh văn 2	NH
87	18211KS4650	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	CD18KS1	7.47	Khá	79	Khá	20	20		Anh văn 2	NVDL
88	18211CK0229	Huỳnh Thanh	An	CD18CK1	7.47	Khá	73	Khá	24	24	01/04/2019	Anh văn 1B	CKCTM
89	18211NH1390	Trần Thị	Nguyệt	CD18NH1	7.47	Khá	72	Khá	16	16		Tin học	NVDL
90	18211TH3885	Đạo Xuân	Pha	CD18TH4	7.46	Khá	83	Tốt	20	20		GDQP	NH
91	18211TH4042	Nguyễn Ngọc Thanh	Đào	CD18TH3	7.46	Khá	79	Khá	22	22		Anh văn 2	NH
92	18211DK4645	Nguyễn Hải	Đăng	CD18DK2	7.45	Khá	100	Xuất sắc	23	23		GDQP	CNTD
93	18211TH1649	Nguyễn Thị Thu	Hà	CD18TH2	7.45	Khá	74	Khá	20	20		GDQP	NH
94	18211TA0150	Đoàn Văn	Danh	CD18TA1	7.44	Khá	82	Tốt	20	20		Listening 2	TA
95	18211LH4803	Phạm Thị Thùy	Linh	CD18LH3	7.44	Khá	79	Khá	21	21		Tuyển điểm du lịch 1	NVDL
96	18211KS4401	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	CD18KS1	7.44	Khá	78	Khá	20	20		Giao tiếp trong kinh doanh	NVDL
97	18211CD5043	Trần Văn	Tấn	CD18CD3	7.44	Khá	70	Khá	17	17		Dung sai	CNTD
98	18211TN3854	Lê Thị Hoài	An	CD18TN2	7.42	Khá	86	Tốt	23	23		Anh văn 1B	TA
99	18211KS0589	Phạm Ngọc Tuyết	Như	CD18KS1	7.42	Khá	80	Tốt	20	20		Anh văn 2	NVDL
100	18211CK1151	Trần Ngọc	Thắng	CD18CK3	7.42	Khá	78	Khá	23	23		Công nghệ chế tạo máy	CKCTM
101	18211DN5317	Nguyễn Văn	Kỳ	CD18DN1	7.41	Khá	99	Xuất sắc	20	20		Anh văn 1B	DDT
102	18211KT5212	Hoàng Thị	Yến	CD18KT5	7.41	Khá	93	Xuất sắc	17	17		Kế toán tài chính 1	TCKT
103	18211KD2550	Tăng Thị Yến	Phượng	CD18KD1	7.41	Khá	80	Tốt	21	21		Anh văn 2	QTKD
104	18211NH3063	Lê Thị Quỳnh	Như	CD18NH1	7.41	Khá	76	Khá	16	16	16/05/2019		NVDL
105	18211TM5034	Phạm Thanh	Tiền	CD18TM2	7.4	Khá	84	Tốt	21	21		Anh văn 2	CNTT
106	18211TH3698	Lý Thị	Miễn	CD18TH3	7.39	Khá	85	Tốt	22	22		Anh văn 2	NH
107	18211TA4982	Hoàng Thị Kim	Thương	CD18TA6	7.39	Khá	82	Tốt	20	20		Listening 2	TA

STT	Mã SV	Họ & Tên		Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
108	18211CT4220	Lê Hoàng	Tâm	CD18CT2	7.39	Khá	75	Khá	19	19		Chính trị 1	CKCTM
109	18211TA3504	Siu	H'truin	CD18TA2	7.38	Khá	91	Xuất sắc	20	20		Listening 2	TA
110	18211TH2805	Nguyễn Thị Thùy	Linh	CD18TH3	7.36	Khá	85	Tốt	20	20		Anh văn 2	NH
111	18211NH4199	Đặng Thị Minh	Trúc	CD18NH1	7.36	Khá	81	Tốt	16	16	03/06/2019	Giáo dục thể chất 2	NVDL
112	18211DD5109	Phan A	Khang	CD18DD6	7.36	Khá	71	Khá	19	19		Anh văn 2	DDT
113	18211KT0633	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Nhi	CD18KT1	7.34	Khá	79	Khá	18	18		Anh văn 2	TCKT
114	18211NH1065	Lê Thị Yến	Nhi	CD18NH1	7.34	Khá	72	Khá	21	21		Anh văn chuyên ngành nhà hà	NVDL
115	18211CK3515	Phạm Quang	Sang	CD18CK6	7.34	Khá	71	Khá	21	21		Chính trị 1	CKCTM
116	18211TT0046	Trần Bình	An	CD18TT1	7.33	Khá	94	Xuất sắc	22	22		Lập trình Web Front End 1	CNTT
117	18211KS4658	Lê Thị Thúy	Hằng	CD18KS1	7.33	Khá	87	Tốt	18	18		Anh văn 2	NVDL
118	18211TA1531	Huỳnh Mai	Thi	CD18TA3	7.33	Khá	77	Khá	18	18		Listening 2	TA
119	18211TH0208	Lê Thị Thanh	Tuyền	CD18TH1	7.32	Khá	79	Khá	18	18		Tin học	NH
120	18211QT1148	Phan Thanh	Thúy	CD18QT3	7.3	Khá	86	Tốt	23	23		Anh văn 2	QTKD
121	18211KD2090	Nguyễn Thị Long	An	CD18KD1	7.29	Khá	97	Xuất sắc	19	19		Anh văn 1B	QTKD
122	18211KT4508	Lê Thị Mỹ	Ly	CD18KT1	7.29	Khá	90	Xuất sắc	18	18	14/05/2019		TCKT
123	18211DT1150	Huỳnh Văn	Dịnh	CD18DT1	7.28	Khá	79	Khá	17	17		Anh văn 1B	DDT
124	18211DC2217	Vòng Trung	Nam	CD18DC5	7.28	Khá	71	Khá	17	17	24/05/2019		DDT
125	18211KS0792	Mai Hoàng Thanh	Hương	CD18KS1	7.27	Khá	98	Xuất sắc	22	22		Anh văn 2	NVDL
126	18211NH2525	Trần Thị	Mận	CD18NH2	7.27	Khá	77	Khá	21	21		Anh văn chuyên ngành nhà hà	NVDL
127	18211DC0453	Lê Đức	Hoàng	CD18DC1	7.27	Khá	73	Khá	23	23		Anh văn 2	DDT
128	18211DC4643	Lê Hoàng	Huy	CD18DC5	7.27	Khá	71	Khá	18	18		Máy điện	DDT
129	18211TN0832	Phạm Thị Thanh	Nhàng	CD18TN1	7.26	Khá	100	Xuất sắc	23	23		Anh văn 1B	TA
130	18211TH3837	Nguyễn Thị Bích	Trâm	CD18TH3	7.26	Khá	76	Khá	22	22		Anh văn 2	NH
131	18211DH4632	Võ Phương Trúc	Ngân	CD18DH3	7.26	Khá	73	Khá	21	21		Hình họa	CNTT
132	18211KT4265	Võ Thị Tường	Vy	CD18KT3	7.25	Khá	85	Tốt	20	20		Anh văn 2	TCKT
133	18211QT1218	Võ Thùy	Dung	CD18QT3	7.22	Khá	98	Xuất sắc	23	23		Anh văn 2	QTKD
134	18211TH1329	Phạm Thị Hồng	Nhung	CD18TH2	7.22	Khá	70	Khá	18	18		Viết 2	NH
135	18211TT5127	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	CD18TT8	7.21	Khá	100	Xuất sắc	22	22		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	CNTT
136	18211DK2843	Đỗ Ngọc	Trọng	CD18DK1	7.21	Khá	83	Tốt	23	23		GDQP	CNTD

STT	Mã SV	Họ & Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
										Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
137	18211TH1543	Nguyễn Thị Thùy My	CD18TH2	7.21	Khá	80	Tốt	20	20		Anh văn 2	NH
138	18211KT1499	Huỳnh Thị Thúy Hoàng	CD18KT5	7.21	Khá	79	Khá	20	20		Luật kế toán	TCKT
139	18211QT1634	Trần Thị Thanh Thuyền	CD18QT3	7.2	Khá	82	Tốt	23	23		Anh văn 2	QTKD
140	18211QT4261	Đỗ Thị Kim Loan	CD18QT5	7.19	Khá	87	Tốt	21	21	08/05/2019	Quản trị chất lượng	QTKD
141	18211KT4965	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	CD18KT5	7.19	Khá	75	Khá	20	20		Tài chính tiền tệ	TCKT
142	18211TA1195	Nguyễn Thị Hoài Duyên	CD18TA1	7.18	Khá	100	Xuất sắc	18	10		Listening 2	TA
143	18211QT0349	Phan Thanh Vân	CD18QT1	7.18	Khá	100	Xuất sắc	17	17		Marketing căn bản	QTKD
144	18211TM1368	Hồ Đăng Khoa	CD18TM1	7.18	Khá	94	Xuất sắc	18	18	31/05/2019		CNTT
145	18211TA2669	Trần Thị Hồng Thắm	CD18TA5	7.18	Khá	84	Tốt	20	20		Reading 1	TA
146	18211KT2124	Nguyễn Thụy Phúc Hiền	CD18KT3	7.18	Khá	73	Khá	20	20		GDQP	TCKT
147	18211QT0619	Huỳnh Thị Hoa Hường	CD18QT2	7.18	Khá	71	Khá	19	19		Anh văn 2	QTKD
148	18211CK1963	Nguyễn Khắc Thi	CD18CK6	7.18	Khá	70	Khá	17	17		Khai triển hình gò	CKCTM
149	18211CK4073	Nguyễn Hồng Lâm	CD18CK2	7.17	Khá	86	Tốt	21	21		Chính trị 1	CKCTM
150	18211OT0067	Nguyễn Trần Minh Hựu	CD18OT1	7.17	Khá	85	Tốt	30	30		Pháp luật	CKOT
151	18211QT2362	Trần Thị Minh Hiếu	CD18QT4	7.17	Khá	73	Khá	23	23	01/04/2019	Kinh tế vi mô	QTKD
152	18211NH0486	Lê Thị Hồng Thi	CD18NH2	7.17	Khá	71	Khá	25	24	22/04/2019	Anh văn 2	NVDL
153	18211TH0416	Nguyễn Hương Quỳnh	CD18TH1	7.16	Khá	100	Xuất sắc	20	20		Độc 2	NH
154	18211TH3767	Tôn Anh Thư	CD18TH4	7.16	Khá	83	Tốt	22	22		Viết 2	NH
155	18211DK0140	Huỳnh Hữu Ý	CD18DK1	7.16	Khá	73	Khá	23	19		Khí cụ điện - Trang bị điện	CNTD
156	18211TC0374	Hồ Thị Kim My	CD18TC1	7.16	Khá	73	Khá	19	19	01/04/2019	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	TCKT
157	18211LH2983	Trần Minh Toàn	CD18LH2	7.15	Khá	100	Xuất sắc	23	23	13/05/2019	Chính trị 2	NVDL
158	18211DK1282	Trương Đình Ân	CD18DK1	7.15	Khá	74	Khá	20	20		Khí cụ điện - Trang bị điện	CNTD
159	18211KT2385	Trần Hoàng Hải	CD18KT3	7.14	Khá	92	Xuất sắc	17	17		GDQP	TCKT
160	18211TM0181	Bùi Chí Hiếu	CD18TM1	7.14	Khá	75	Khá	23	23		Anh văn 2	CNTT
161	18211LH5032	Nguyễn Thị Kim Thúy	CD18LH3	7.12	Khá	73	Khá	21	21		Tuyển điểm du lịch 1	NVDL
162	18211NH0187	Trần Minh Đức	CD18NH1	7.12	Khá	71	Khá	19	19	08/06/2019	Anh văn 2	NVDL
163	18211DT0129	Đoàn Văn An	CD18DT1	7.11	Khá	71	Khá	22	22		Kỹ thuật số	DDT
164	18211TH3670	Nguyễn Thanh Kiều	CD18TH4	7.1	Khá	84	Tốt	22	22		Anh văn 2	NH
165	18211TT0059	Trần Công Hòa	CD18TT1	7.1	Khá	82	Tốt	22	22		Lập trình Web Front End 1	CNTT

STT	Mã SV	Họ & Tên		Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ (Hạn đóng 29/03/2019)	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
166	18211KT0081	Huỳnh Thị Yến	Vi	CD18KT1	7.1	Khá	80	Tốt	18	18		Anh văn 2	TCKT
167	18211TA0344	Phan Thị	Hiền	CD18TA2	7.08	Khá	89	Tốt	20	20		Listening 2	TA
168	18211TH3454	Nguyễn Cao	Phúc	CD18TH1	7.08	Khá	73	Khá	18	18	22/05/2019	Anh văn 2	NH
169	18211OT1482	Nguyễn Trọng	Quý	CD18OT4	7.08	Khá	72	Khá	17	17		Điện ô tô 1	CKOT
170	18211DK0553	Bùi Minh	Khoa	CD18DK1	7.06	Khá	100	Xuất sắc	20	20	20/05/2019	Khí cụ điện - Trang bị điện	CNTD
171	18211TN4038	Hồ Thiện	Thanh	CD18TN2	7.06	Khá	70	Khá	18	18		GDQP	TA
172	18211KT2770	Nguyễn Hồ Quỳnh	Như	CD18KT2	7.05	Khá	74	Khá	22	22		Tài chính tiền tệ	TCKT
173	18211DH5161	Trần Tiến	Đạt	CD18DH3	7.05	Khá	72	Khá	19	19	26/04/2019	Giáo dục quốc phòng và An ninh	CNTT
174	18211DD1889	Cao Ngọc	Đăng	CD18DD3	7.03	Khá	94	Xuất sắc	19	19		Anh văn 2	DDT
175	18211LH4678	Vũ Thị Minh	Tâm	CD18LH3	7.03	Khá	80	Tốt	21	21		Anh văn 2	NVDL
176	18211LH2655	Đỗ Đức	Tuấn	CD18LH2	7.03	Khá	77	Khá	23	23		Anh văn 2	NVDL
177	18211NH4810	Lâm Quan	Đạt	CD18NH2	7.03	Khá	73	Khá	23	23	01/04/2019	Anh văn 2	NVDL
178	18211KS1293	Lê Thị Ý	Thi	CD18KS1	7.02	Khá	80	Tốt	18	18		Anh văn 2	NVDL
179	18211DC4672	Quảng Thành	Trung	CD18DC3	7.01	Khá	91	Xuất sắc	19	19		Anh văn 2	DDT
180	18211OT3254	Nguyễn Hữu	Thọ	CD18OT3	7.01	Khá	84	Tốt	19	19		Pháp luật	CKOT
181	18211TM4284	Trương Công	Phong	CD18TM2	7.01	Khá	74	Khá	23	23		Anh văn 2	CNTT

Tổng cộng danh sách có 181 SV.